

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST

Ngày 29/5/2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu di dời tài sản trên đất, bồi thường thiệt hại tài sản, khôi phục nguyên trạng đất tranh chấp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bành Văn Dân

Ông Hứa Nguyễn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Bích Liên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2023/TLST-DS ngày 01/11/2023, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu di dời tài sản trên đất, bồi thường thiệt hại tài sản, khôi phục nguyên trạng đất tranh chấp, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐST-DS ngày 26/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-DS ngày 23/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Chu Bích T1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Chuông Văn L. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Xuân T2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Chuông Văn C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Chuông Văn T3, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Chuông Văn C, Chuông Văn T3 là bà Hoàng Thị T, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/11/2023). Có mặt.

3. Anh Chuông Văn T4. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

4. Bà Hoàng Thị K, sinh năm 1948. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

5. Chị Nông Thị T5, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Anh Chuông Văn L1 sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nông Thị T5, chị Hoàng Thị X, anh Chuông Văn L1 là anh Chuông Văn T4. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/12/2023). Có mặt.

8. Bà Chuông Thị P, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

9. Bà Chuông Thị T6, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Bà Chuông Thị L2, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Bà Chuông Thị H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

12. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1959. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Ông Hoàng Văn T7, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Anh Hoàng Văn D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Anh Chuông Văn T8, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V,

tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Bà Hoàng Thị T9, sinh năm 1939. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Anh Chuông Văn T10, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Anh Chuông Văn D1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

19. Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

20. Chị Chuông Thị H1. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

21. Chị Chuông Thị T11. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

22. Chị Chuông Thị D2. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

23. Chị Chuông Thị H2. Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

24. Chị Chuông Thị H3. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1983. Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn D3, sinh năm 1966. Vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị D4, sinh năm 1975. Có mặt.

4. Ông Hoàng Xuân K1, sinh năm 1986. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2023 và khởi kiện bổ sung ngày 15/10/2023, lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị T đồng thời là người đại diện hợp pháp của anh Chuông Văn C, anh Chuông Văn T3 trình bày:

Đất tranh chấp có địa danh Lãng Lườn – B thuộc thôn N, xã T, huyện V. Nguồn gốc trước năm 1995 là rừng tự nhiên không ai quản lý. Năm 1995 Nhà nước có chính sách giao đất, giao rừng, chồng bà là ông Chuông Văn T12 nhận đất và được giao Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng (sổ Bìa xanh) từ năm

1995, số lô là 171, diện tích 2,5ha. Trước khi được cấp sổ Bìa xanh gia đình bà trồng hồi (chính là các cây hồi to trên đất tranh chấp, bao gồm cả 01 cây đã cắt đi giám định bà khẳng định trồng năm 1993 – 1994). Từ đó vợ chồng bà trực tiếp trồng rừng, quản lý, sử dụng, thu hái hoa hồi ổn định cho đến nay, đã làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất, không nhớ năm nào nhưng đến nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ - sổ Bìa đỏ), khi làm thủ tục thì Trưởng thôn Hoàng Văn D3 lấy sổ Bìa xanh đi để làm thủ tục chuyển đổi Bìa đỏ). Năm 2000 được UBND xã T cấp 300 cây Hồi dự án (không biết dự án gì, không có giấy tờ, chỉ được ký văn bản với UBND xã T), bà trồng trên cả khu đất phía sau nhà bà và trồng trên đất tranh chấp, sau này còn có thêm một số cây Hồi tự mọc, ngoài ra còn có các cây tạp mọc tự nhiên khác do gia đình khoan nuôi bảo vệ. Thời điểm chồng bà là ông Chuông Văn T12 và ông Chuông Văn H4 (bố của Chuông Văn L) còn sống thì 02 gia đình có lấy khe nước làm mốc ranh giới đất rừng, lấy gốc tre làm ranh giới đất vườn, hai gia đình không xảy ra tranh chấp bao giờ. Năm 2020 ông Chuông Văn T12 chết thì một thời gian sau anh Chuông Văn L đến tranh chấp, đào đường hào làm ranh giới không đúng với vị trí của 02 gia đình đã thoả thuận trước đây. Năm 2021 anh Chuông Văn L chặt phá cây cối để trồng hồi với số lượng gỗ bị chặt khoảng 30m³ gỗ, đốt cháy 06 cây hồi (khi đó T13 không lập biên bản vì việc chặt cây đã xảy ra trước đó nên bà ước tính gỗ bị chặt thiệt hại khoảng 30m³). Từ khi xảy ra tranh chấp anh Chuông Văn L thu hái hoa hồi, ước tính trong 3 năm thu hái được 9 tạ hoa hồi tươi.

Kết quả xem xét thẩm định ngày 14/12/2023 xác định diện tích tranh chấp là 3.648,9m² thuộc thửa 841 tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V đo vẽ năm 2012, tại địa danh: Lãng Lườn - B, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, là đất rừng sản xuất. Các hướng tiếp giáp: Phía Đông (đỉnh đồi) giáp đất Chuông Văn T4 đang quản lý; Phía Tây giáp đường mòn (lối đi lại của trâu, bò); Phía Nam giáp đất Chuông Văn T4 đang quản lý; Phía Bắc giáp đất bà Hoàng Thị T đang quản lý. Tài sản trên đất gồm có 177 cây Hồi trong đó có 30 cây to; 147 cây anh Chuông Văn L mới trồng năm 2021; 10 cây Xoan tự mọc; 02 cây Keo tự mọc, 01 cây Bạch đàn tự mọc, 01 cây Trám tự mọc, 13 cây Sâu sâu tự mọc; 20 cây gỗ tạp (nhóm 6) tự mọc; 16 khóm Giềng tự mọc; 22 cây Sờ anh Chuông Văn L trồng năm 2019; 10 cây Chuối do anh Chuông Văn L trồng năm 2022. Ngoài ra có 02 bãi sắn của anh Chuông Văn L trồng đang trong kỳ thu hoạch, 09 cây bị chặt (đã chết không còn thân cây không xác định được khối lượng) nên hai bên không yêu cầu kiểm đếm và định giá, không yêu cầu giải quyết.

Kết luận giám định bản đồ ngày 05/01/2024 của Giám định viên Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh L xác định: *Diện tích đất tranh chấp 3.648,9 m² nằm trong thửa đất 841, tờ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, tỷ lệ 1:10.000 lập năm 2012 nằm trong lô 172, 175 bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T lập năm 1995. Do bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T lập năm 1995 có hai lô 175 trùng nhau, để thuận tiện việc xác định rõ ràng vị trí diện tích 3.648,9 m² khu đất tranh chấp, tạm đặt tên cho hai lô 175 trên bản đồ thành hai lô 175A và lô 175B: Lô 175A (giáp lô 172) và lô 175B (giáp lô 174, 177), gọi tắt là lô: 175A, 175B; Diện tích khu đất tranh chấp nêu trên trùng một phần lô 172 diện tích 2.624,9 m² theo*

vị trí đỉnh (A1, B, C, D, E, F, G, H, A2); trùng một phần lô 175A diện tích 1.024,0 m² theo vị trí đỉnh (A, A1, A2, K, L) bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T lập năm 1995. Đối chiếu theo sổ lâm bạ lô 172 mang tên Chuông Văn C1 (đã chết); lô 175 mang tên Hoàng Văn T7”.

Bà Hoàng Thị T nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản về diện tích đất tranh chấp, địa danh và tài sản trên đất, nhưng cho rằng đất tranh chấp thuộc lô 171 đã được giao quyền quản lý và được cấp sổ Bìa xanh cho ông Chuông Văn T12, nhưng do UBND xã vẽ sai bản đồ nên hiện nay đất tranh chấp không thuộc lô 171, vì vậy bà Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp là 3.648,9m² ở khu rừng L - B, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu 30 cây hồi to, 02 cây keo, 01 cây bạch đàn, 01 cây trám, 16 khóm giềng mọc tự nhiên. Yêu cầu anh Chuông Văn L đi dòi toàn bộ 147 cây hồi, 22 cây sớ, 10 cây chuối do anh Chuông Văn L mới trồng ra khỏi khu đất tranh chấp. Yêu cầu anh Chuông Văn L bồi thường thiệt hại 09 tạ hoa hồi tươi (trong 03 năm) không được thu hoạch giá 40.000 đồng/1 kg với số tiền là 36.000.000 đồng, bồi thường 30m³ gỗ bị chặt trị giá 650.000 đồng/1m³ với số tiền là 19.500.000 đồng, 06 cây Hồi bị đốt cháy giá 2.000.000 đồng/1 cây với số tiền là 12.000.000 đồng. Tổng cộng 67.500.000đ.

Đối với 01 cây Hồi đã cắt đi giám định bà yêu cầu anh Chuông Văn L bồi thường theo giá trị đã định giá ngày 14/12/2023

Về các chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 5.100.000 đồng, chi phí trích đo là 13.014.000 đồng, chi phí giám định bản đồ 2.200.000 đồng, giám định tuổi cây là 7.700.000 đồng. Tổng số tiền là 28.014.000 đồng, bà Hoàng Thị T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi liên quan phía nguyên đơn: Anh Chuông Văn T3 đều thống nhất với quan điểm trình bày và yêu cầu của nguyên đơn, không có yêu cầu độc lập, không có ý kiến khác. Yêu cầu giải quyết cho hộ bà Hoàng Thị T được tiếp tục quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp.

Bị đơn anh Chuông Văn L trình bày: Khu đất tranh chấp tại L - B thuộc thôn N, xã T, huyện V có nguồn gốc do bố, mẹ tên là Chuông Văn H4 (đã chết) và Hoàng Thị K khai phá để trồng ngô, mía, sắn. Trước đây bố, mẹ anh làm nương trồng sắn, trồng mía. Đến khoảng năm 1995 – 1996 bố, mẹ anh tiếp tục được nhà nước giao cho quản lý, đã được giao sổ Bìa xanh cho bố anh là hộ ông Chuông Văn H4, Trưởng thôn thu sổ bìa xanh để nộp cho UBND xã làm thủ tục cấp đổi sổ B đỏ nhưng đến nay gia đình anh vẫn chưa được cấp sổ Bìa đỏ nên không biết số lô, thửa. Sau khi được giao đất rừng thì Nhà nước mới cấp cây hồi giống dự án, bố, mẹ và các anh, em được trồng trên khu đất này (không biết dự án gì, nhưng qua Trưởng thôn cũ Hoàng Văn Diện thì được biết cấp theo dự án năm 2004, 2005), khi đó anh được cùng bố, mẹ đi trồng khoảng 200 cây trên cả khu đồi L - B, trong đó phần đất tranh chấp hiện nay có khoảng 30 cây Hồi to đã sai quả của dự án này. Bố anh là người đi nhận cây nên không biết có giấy tờ gì không. Các cây Hồi dự án đã được thu hoạch khoảng 5 - 6 năm nay. Quá trình quản lý, sử dụng thấy vợ, chồng bà Hoàng Thị T lên khu rừng liền kề có nhìn

thấy gia đình anh quản lý, sử dụng, canh tác khu đất này nhưng không ý kiến gì, anh cũng chưa bao giờ thấy gia đình bà Hoàng Thị T đến mảnh đất của anh canh tác bao giờ. Năm 2011 gia đình anh với gia đình bà Hoàng Thị T phân chia ranh giới theo sự thoả thuận trước đây giữa bố anh và chồng bà Hoàng Thị T, lấy bụi tre ở phía dưới vườn làm ranh giới cả đất vườn và đất rừng kéo thẳng lên đỉnh đồi, được phát quang cho đến nay nhưng trước đây chưa đào hào. Từ khi gia đình trồng Hôi dự án thì chưa trồng thêm đợt nào. Do bố, mẹ ở cùng với em trai là Chuông Văn T4 nên đã giao quyền quản lý toàn bộ khu rừng cho Chuông Văn T4 được khoảng 15 năm nay, nhưng cả bố, mẹ và Chuông Văn T4 đều chưa được cấp sổ Bìa đỏ. Năm 2020 được sự nhất trí của bố, mẹ nên Chuông Văn T4 và các thành viên trong gia đình đã chia khu rừng này 03 phần bằng nhau cho 03 anh em trai gồm: Anh Chuông Văn L được một mảnh (chính là mảnh đất hiện nay đang tranh chấp giáp với đất bà Hoàng Thị T), anh Chuông Văn T4 được một mảnh và Chuông Văn L1 được một mảnh, phần của ai thì người đó tự quản lý, anh vẫn đang quản lý, sử dụng, canh tác trồng sắn, trồng Hôi, thu hái hoa hoi, 5 – 6 năm nay. Năm 2021 anh phát rừng tiếp tục trồng Hôi trên toàn bộ khu rừng, trong đó phần đất tranh chấp hiện có 147 cây mới trồng. Đến đầu năm 2023 anh đào một rãnh mương rộng khoảng 80cm, sâu 30cm ngay tại phần ranh giới đã thoả thuận từ năm 2011 với gia đình bà Hoàng Thị T. Anh không được chặt phá, đốt cây Hôi, cây tạp trên đất như bà Hoàng Thị T trình bày. Việc thu hái hoa hoi là có thực tế nhưng anh không có sổ sách theo dõi nên không thống kê được số lượng hoa hoi đã thu hoạch hàng năm được bao nhiêu, ước tính mỗi năm chỉ thu hoạch được khoảng 30kg, giá hoa hoi tươi cũng thay đổi theo hàng năm, do vậy anh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc, không chấp nhận di dời cây Hôi, cây Chuối, cây Sờ mới trồng, không chấp nhận khôi phục lại đường hào, bồi thường 09 tạ hoa hoi, 06 cây Hôi, 30m³ cây tạp với tổng số tiền 67.500.000 đồng cho bà Hoàng Thị T. Không yêu cầu bà Hoàng Thị T bồi thường cây hoi cắt đi giám định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn: Chuông Văn T4, Hoàng Thị X, Chuông Văn L1, Chuông Thị L2, Chuông Thị H, Chuông Thị H1, Chuông Thị P, Chuông Thị T6 trình bày: đều thống nhất với quan điểm trình bày và yêu cầu của bị đơn, không có yêu cầu độc lập và ý kiến khác. Yêu cầu giải quyết cho hộ anh Chuông Văn L quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp, không chấp nhận di dời cây, khôi phục đường hào, bồi thường thiệt hại.

Bà Hoàng Thị T9, anh Chuông Văn T8, anh Chuông Văn T10, Chuông Văn D1, Chuông Thị H2 (vợ, con ông Chuông Văn C1 đã chết) trình bày: Gia đình ông Chuông Văn C1 không có đất tại khu đất L - Bó Pú nơi đang xảy ra tranh chấp giữa bà Hoàng Thị T và anh Chuông Văn L. Khu đất này từ trước đến nay gia đình anh Chuông Văn T4, Chuông Văn L vẫn quản lý, sử dụng. Việc kết quả giám định bản đồ cho thấy khu đất tranh chấp thuộc lô 172 mang tên hộ ông Chuông Văn C1, đã được giao sổ Bìa xanh, được cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Chuông Văn C1 là không đúng đối tượng, bà Hoàng Thị T9 và gia đình đồng ý đề nghị UBND huyện V thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Chuông Văn C1

và không yêu cầu gì đối với khu đất tranh chấp. Chị Chuông Thị H1, Chuông Thị T11, Chuông Thị D2, Chuông Thị H3 (là con ông Chuông Văn C1) được triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến trình bày và không có yêu cầu về diện tích đất tranh chấp.

Người liên quan ông Hoàng Văn T7, bà Hoàng Thị N, chị Hoàng Thị N1, Hoàng Văn D trình bày: Gia đình ông Hoàng Văn T7 không có đất tại khu đất đang tranh chấp. Khu đất này từ trước đến nay gia đình ông Chuông Văn H4, anh Chuông Văn T4, Chuông Văn L vẫn quản lý, sử dụng. Kết quả giám định bản đồ cho thấy khu đất tranh chấp thuộc lô 175 mang tên hộ ông Hoàng T7, đã được giao sổ Bìa xanh, B đỏ cho hộ ông Hoàng T7 là không đúng đối tượng, gia đình ông đồng ý đề nghị UBND huyện V thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Hoàng Văn T7, nay ông không yêu cầu gì đối với khu đất tranh chấp

Những người làm chứng ông Hoàng Văn D3 trình bày: Ông là nguyên trưởng thôn Nà Châu từ năm 1996 đến 2012. Năm 2002 Nhà nước có chủ trương cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân, ông đã thông báo tới toàn thể nhân dân trong thôn, xã tổ chức đo đạc cho các hộ ký giáp ranh, có yêu cầu các hộ dân nộp lại sổ bìa xanh để cấp đổi sang Bìa đỏ. Nhà bà Hoàng Thị T, ông Chuông Văn H4 có nộp lại sổ Bìa xanh cho ông. Ông đã nộp lại sổ Bìa xanh cho UBND xã T. Sau một thời gian có một số hộ được cấp Sổ Bìa đỏ, còn hộ bà Hoàng Thị T, ông Chuông Văn H4 không được cấp, ông không biết lý do vì sao. Về khu đất tranh chấp ông được biết ngày trước gia đình ông Thuông Văn T14 và ông Chuông Văn H4 đã chia nhau, ranh giới là từ bờ rào (nay là chỗ bụi tre) của nhà anh Chuông Văn L lên đến đỉnh đồi. Ông khẳng định khu đất tranh chấp là đất của ông Chuông Văn H4.

Bà Hoàng Thị D4: Gia đình bà không có đất giáp ranh với đất tranh chấp, bà không biết đất tranh chấp là đất của ai, đất của bà ở xa khu đất đang tranh chấp nên bà không để ý ai đang quản lý, sử dụng khu đất này.

Ông Hoàng Xuân K1 (con ông Hoàng Tương L3): Gia đình anh có đất ở khu L – Bó Pú giáp với phần đỉnh đồi rừng vầu nhà bà Hoàng Thị T đang quản lý, nhưng anh không biết đất tranh chấp hiện nay do ai quản lý sử dụng. Quá trình giải quyết tranh chấp tại Thôn, xã thấy những người dân trong thôn đều cho biết đất đang tranh chấp là của gia đình anh Chuông Văn L quản lý.

Hoàng Thị X trình bày: Chị kết hôn với anh Chuông Văn L1 từ năm 2002. Khi về làm dâu chị đã thấy gia đình chồng có mảnh đất rừng L - B. Được vài tháng thì bố, mẹ cho vợ chồng chị làm nhà ở riêng, lúc đó đã thấy vợ chồng anh Chuông Văn L canh tác trồng sắn, sau đó mấy anh, em và bố, mẹ đã chia mảnh đất cho 03 người con trai là anh Chuông Văn L, anh Chuông Văn T4 và chồng chị, việc chia đất chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ. Phần đất hiện đang tranh chấp được chia cho anh Chuông Văn L. Nay việc tranh chấp thế nào chị cũng không để ý. Nhà bà Hoàng Thị T có đất rừng ngay gần đất tranh chấp, nhưng thấy rậm rạp, có cây Hôi hay không thì chị không biết.

Tại Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực lâm nghiệp ngày 20/12/2023 kết luận: *Mẫu cây hôi có độ tuổi 21±1 năm tuổi, tương ứng với năm trồng là năm*

2002, sai số có thể là năm 2001 hoặc năm 2003.

Tại văn bản số 14/BC-UBND ngày 18/01/2024, văn bản số 15/BC-UBND ngày 18/01/2024 và 38/UBND ngày 22/4/2024 của Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện V xác định: Ông Chuông Văn L phát rừng tại khu đất tranh chấp là có thực tế. Việc bà Hoàng Thị T cho rằng ông Chuông Văn L phát rừng gây thiệt hại 30m³ gỗ và cháy 06 cây hồi là không có cơ sở, vì thời điểm phát rừng không ai làm chứng. Thời điểm UBND xã lập biên bản hiện trường không còn nguyên hiện trạng, Trưởng thôn ghi theo ý kiến trình bày của bà Hoàng Thị T nên không có cơ sở xác định cây cối bị thiệt hại. Địa danh đất tranh chấp người dân gọi là Lãng L4 – Bó Pú. Từ trước đến nay ông Chuông Văn C1, ông Hoàng Văn T7 không quản lý khu đất tranh chấp L - B. Hộ ông Chuông Văn C1 có đất rừng tại Đ, ông Hoàng T7 không có đất rừng tại N. Việc anh Chuông Văn L và gia đình bà Hoàng Thị T đào hào ranh giới không có sự chứng kiến của UBND xã và T13. Phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc phần đất hiện nay anh Chuông Văn T4, Chuông Văn L đang quản lý. Giá hoa hồi tươi tại địa phương thời điểm năm 2021, 2022, 2023 là khoảng 32.000 đồng/1 kg. Phần đất tranh chấp thuộc quy hoạch đất rừng sản xuất giai đoạn 2021 – 2030. Năm 2009 thôn được thu hồi sổ bì xanh của bà Hoàng Thị T, thôn đã nộp cho nguyên Chủ tịch UBND xã T là ông Trương Văn B1 (đã chết), nay UBND xã không tìm thấy Bìa xanh. Lô 172 đã được giao sổ Bìa xanh và được cấp GCN cho hộ ông Chuông Văn C1. Lô A đã được giao sổ Bìa xanh và được cấp GCN cho hộ ông H5 - Thăng. Qua xác minh hộ ông Chuông Văn Văn C1 và ông H5 - Thăng không có đất rừng giáp với khu đất tranh chấp.

Công văn số 151 ngày 22/01/2024, số 597/UBND-TNMT ngày 29/3/2024 của Ủy ban nhân dân huyện V xác định: Đối với phần diện tích đất tranh chấp 3.648,9m² thuộc một phần thửa đất số 841 tờ bản đồ lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V được ông Chuông Văn T4 đăng ký đất đai trên sổ mục kê tuy nhiên qua kiểm tra hồ sơ thửa đất này chưa được cấp giấy cho hộ gia đình cá nhân nào. Đối chiếu hồ sơ giao rừng năm 1995 khu đất đang tranh chấp này nằm trên lô đất số 175 đã được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ ông Hoàng Văn T7, lô 172 đã được giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng cho hộ ông Chuông Văn C1. Thửa đất số 175 được cấp GCN cho ông Hoàng Văn T7 thôn N, số GCN Q886220 diện tích 20.000m² theo Quyết định số 1253/QĐ-UB ngày vào sổ mục kê đất 01/12/2000, ngày vào sổ địa chính đất Lâm nghiệp 14/10/2000. Thửa đất số 172 cấp GCN cho ông Chuông Văn C1 thôn N số GCN Q886219, diện tích 25.000m² theo Quyết định số 1253/QĐ-UB, ngày vào sổ mục kê đất 01/12/2000, ngày vào sổ địa chính đất Lâm nghiệp 14/10/2000. Hiện nay thửa đất số 841, tờ bản đồ số 01 bản đồ lâm nghiệp xã T có một phần diện tích thửa đất do bà Hoàng Thị T, một phần diện tích thửa đất do hai anh em ông Chuông Văn T4 và ông Chuông Văn L quản lý. Phần diện tích đang tranh chấp thuộc phần đất hiện nay do Chuông Văn T4 và Chuông Văn L đang quản lý.

Lô 170 diện tích 2,5ha hộ ông Chuông Văn H4 đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ số Q886209 diện tích 25.000m² theo Quyết định số 1253/QĐ-UB

ngày vào sổ mục kê đất 01/12/2000, ngày vào sổ địa chính đất Lâm nghiệp 14/10/2000. Lô 171 diện tích 2,5ha hộ ông Chuông Văn T12 đã kê khai và được cấp GCNQSDĐ số Q886202 diện tích 20.000m² theo Quyết định số 1253/QĐ-UB ngày vào sổ mục kê đất 01/12/2000, ngày vào sổ địa chính đất Lâm nghiệp 14/10/2000. Việc cấp GCNQSDĐ thửa 170 cho ông Chuông Văn H4 và thửa 171 cho ông Chuông Văn T12 được đảm bảo đúng theo quy định tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16/3/1998. Diện tích đất tranh chấp 3.648,9m² thuộc một phần thửa đất số 841 không trùng với lô 170 và 171, bản đồ giao đất giao rừng năm 1995. Thửa đất số 841 được ông Chuông Văn T4 đăng ký đất đai trên sổ mục kê tuy nhiên chưa được cấp GCN cho hộ gia đình cá nhân nào. Vị trí thửa số 841 là đất rừng sản xuất không thuộc quy hoạch dự án, đất quốc phòng an ninh. Theo kết quả giám định bản đồ đất tranh chấp thửa 841 trùng một phần lô 172 và 175. Căn cứ lời khai của ông bà Hoàng Thị T9, ông Hoàng Văn T7 khẳng định gia đình không có đất tại khu đang tranh chấp, đề nghị UBND huyện thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hai hộ gia đình. Ngày 19/4/2024 UBND huyện V đã ban hành Quyết định số: 1253/QĐ-UBND và 1254/QĐ-UBND Quyết định thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông Chuông Văn C1 và hộ ông Hoàng Văn T7 tại 02 thửa 172 và 175.

Văn bản số 02/SNN-KL ngày 03/01/2024 của phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V: Đối với cây H6 có đường kính dưới 02cm; cây Xoan đường kính dưới 05cm và từ 05cm – 10cm; cây Sờ đường kính dưới 05cm; cây Chuối cao từ 0,5 - 01m khi di dời đi nơi khác vẫn có khả năng sống với điều kiện chuẩn bị kỹ về điều kiện kỹ thuật, hạn chế tối đa tổn thương cây. Phòng Nông nghiệp không cấp cây Hôi giống cho hộ gia đình ông Chuông Văn T12 và ông Chuông Văn H4.

Văn bản số 23/SNN-KL ngày 04/01/2024 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh L theo hồ sơ dự án trồng rừng phòng hộ năm 2004 do Lâm trường Văn Quan thực hiện được phê duyệt thì năm 2004 Lâm trường Văn Quan thực hiện ở 03 xã H, T, P, trong đó hộ ông Chuông Văn H4 được phê duyệt tại Quyết định số 206/QĐ-NN ngày 27/7/2004 của Sở N về Phê duyệt, thiết kế dự toán trồng rừng phòng hộ năm 2004. Theo hồ sơ xác minh năm 2005 có cả 02 hộ Chuông Văn H4 và Chuông Văn T12. Từ kết quả rà soát hồ sơ, hộ gia đình Chuông Văn T12 và Chuông Văn H4 có tên trong hồ sơ, trong đó hộ Chuông Văn H4 khớp với hồ sơ năm 2004 - 2005, hộ ông Chuông Văn T12 có trong hồ sơ năm 2005 nhưng không có trong hồ sơ thiết kế năm 2004.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Nguồn gốc khu đất tranh chấp trước đây là rừng tự nhiên, gia đình bà Hoàng Thị T đã được giao quyền quản lý thuộc lô 171, tuy kết luận giám định bản đồ xác định đất tranh chấp không thuộc lô 171, lời khai về tuổi cây không phù hợp kết luận giám định tuổi cây, nhưng gia đình nguyên đơn có quá trình quản lý sử dụng ổn định, cây trồng qua nhiều năm, nhiều lần nên nguyên đơn không nhớ được chính xác năm trồng. Anh Chuông Văn L và lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn cũng không chứng minh được quá trình, quản lý sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn

bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho bà Hoàng Thị T được quản lý, sử dụng diện tích đất theo kết quả đo đạc là 3.648,9m² ở khu rừng L - B, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu 30 cây Hồi to và các cây mọc tự nhiên như cây tạp, cây Xoan, cây Sau Sau, cây Trám. Buộc anh Chuông Văn L di dời 147 cây Hồi, 22 cây Sỡ và 10 cây Chuối Tây do anh Chuông Văn L mới trồng ra khỏi khu đất tranh chấp; Yêu cầu anh Chuông Văn L bồi thường: 09 tạ hoa Hồi tươi (trong 03 năm) không được thu hoạch với số tiền 36.000.000 đồng; 30m³ gỗ bị chặt với số tiền là 19.500.000 đồng; 06 cây Hồi bị đốt cháy số tiền là 12.000.000 đồng. Tổng 67.500.000đ đồng. Bị đơn Chuông Văn L phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định bản đồ để trả lại cho bà Hoàng Thị T đã tạm ứng trước. Miễn toàn bộ án phí dân sự cho bà Hoàng Thị T do là người dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày nguyên đơn không chứng minh được quá trình, quản lý, sử dụng trên đất. Lờ khai của nguyên đơn được trồng cây hồi vào 1993, 2000, 2016 là không phù hợp với Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 18-2023/KL/GĐCN ngày 20/12/2023. Căn cứ quá trình quản lý, sử dụng của gia đình anh Chuông Văn L và Kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 18-2023/KL/GĐCN ngày 20/12/2023 xác định tuổi cây phù hợp với ý kiến của bị đơn. Căn cứ tài liệu khác cho thấy thửa 841 đã được quy chủ cho anh Chuông Văn T4 (em của bị đơn). Gia đình bà Hoàng Thị T9 và ông Hoàng Văn T7 khẳng định không có đất tại khu đất đang tranh chấp. Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Giao cho bị đơn tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất tranh chấp và tài sản trên đất, gồm: 3.648,9m² ở khu rừng L - B, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, được ở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Bà Hoàng Thị T phải chịu toàn bộ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, giám định bản đồ. Anh Chuông Văn L là người dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, vì vậy đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự cho anh Chuông Văn L.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng, thu thập tài liệu chứng cứ đúng trình tự thủ tục, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật nên Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ Điều 170, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 26, 35, 39, 147, 157, 158, 161, 162, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T; Buộc hộ bà Hoàng Thị T phải chấm dứt toàn bộ hành vi tranh chấp đối với diện tích đất tranh chấp và các tài sản trên đất.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ các chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, trưng cầu giám định bản đồ, giám định tuổi cây là 28.014.000đ. Về án phí: Nguyên đơn là người cao tuổi, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn đề nghị miễn án phí đề nghị cho nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Quan hệ tranh chấp trong vụ án là Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu di dời tài sản trên đất, bồi thường thiệt hại tài sản, khôi phục nguyên trạng đất tranh chấp. Đương sự có nơi cư trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng, các đương sự tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Chuông Văn C, anh Chuông Văn T3, bà Hoàng Thị K, chị Nông Thị T5, chị Hoàng Thị X, bà Chuông Thị P, bà Chuông Thị T6, bà Chuông Thị L2, bà Hoàng Thị N, ông Hoàng Văn T7, anh Hoàng Văn D, anh Chuông Văn T8, bà Hoàng Thị T9, anh Chuông Văn T10, anh Chuông Văn D1, chị Hoàng Thị N1, chị Chuông Thị H1, chị Chuông Thị T11, Chuông Thị D2 chị Chuông Thị H2, chị Chuông Thị H3 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng bà Hoàng Thị X, ông Hoàng Văn D3, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp nguyên đơn Hoàng Thị T cho rằng năm 1995 Nhà nước có chính sách giao đất, giao rừng, chồng bà là ông Chuông Văn T12 nhận đất và được giao sổ Bìa xanh) từ năm 1995, số lô là 171, diện tích 2,5ha, gia đình bà được khai phá và trồng hồi các năm 1993, 2000, 2016, ngoài ra không trồng thêm cây gì khác. Còn bị đơn anh Chuông Văn L cho rằng khu đất có nguồn gốc của bố, mẹ chia cho 03 anh em, trong đó phần đang tranh chấp được chia cho anh Chuông Văn L quản lý, sử dụng, việc chia đất rừng không lập văn bản, gia chưa ai được kê khai và được cấp GCNQSDĐ. Như vậy nguyên đơn và bị đơn đều không có giấy tờ liên quan đến nguồn gốc và chưa được cấp

GCNQSDĐ.

[5] Căn cứ kết luận giám định bản đồ, xác định đất đang tranh chấp có diện tích 3.648,9 m² nằm trong thửa đất 841, trùng với lô 172, 175. Do bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T lập năm 1995 có hai lô 175 trùng nhau, để thuận tiện việc xác định rõ ràng vị trí diện tích 3.648,9 m² khu đất tranh chấp, tạm đặt tên cho hai lô 175 trên bản đồ thành hai lô 175A và lô 175B. Diện tích khu đất tranh chấp nêu trên trùng một phần lô 172 diện tích 2.624,9 m² theo vị trí đỉnh (A1, B, C, D, E, F, G, H, A2); trùng một phần lô 175A diện tích 1.024,0 m² theo vị trí đỉnh (A, A1, A2, K, L). Đối chiếu theo sổ lâm bạ lô 172 mang tên Chuông Văn C1 (đã chết); lô 175 mang tên Hoàng T7". Căn cứ lời khai của bà Hoàng Thị T9 và ông Hoàng Văn T7 cho thấy 02 gia đình này không có đất tại khu đất đang tranh chấp. UBND huyện đã thu hồi GCNQSDĐ đối với thửa 172 và 175. Bà Hoàng Thị T không có giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng đất. Phần đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa 841 trên bản đồ đã quy chủ cho Chuông Văn T4 (em của Chuông Văn L), nhưng chưa được cấp GCNQSDĐ.

[5] Về quá trình sử dụng đất tranh chấp và tài sản trên đất: Bà Hoàng Thị T cho rằng đất tranh chấp thuộc lô 171 của nguyên đơn, nhưng do UBND xã vẽ sai bản đồ nên hiện nay đất tranh chấp không thuộc lô 171 nhưng bà Hoàng Thị T không đưa ra được căn cứ chứng minh cho rằng tờ bản đồ giao đất rừng được thiết kế vẽ sai vị trí. Hơn nữa bà cho rằng các cây hồi trồng trên đất do bà trồng năm 1993, 2000 và 2004, cây hồi được cắt đi giám định được bà khẳng định trồng năm 1993 (thể hiện tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 05/3/2024) và bà khẳng định các cây hồi to gia đình bà trồng trước khi được giao đất giao rừng năm 1995 (bao gồm cả cây cắt đi giám định thể hiện tại biên bản hoà giải ngày 25/4/2024). Tại đơn trình bày ngày 26/5/2024 và tại phiên toà bà lại khẳng định cây cắt đi giám định là do bà trồng năm 2000, như vậy lời khai của bà Hoàng Thị T về năm trồng đối với cây Hồi cắt đi giám định có sự mâu thuẫn. Hơn nữa bà cho rằng bà trồng Hồi dự án là năm 2000, tuy nhiên hồ sơ thiết kế trồng rừng do Sở L cung cấp thể hiện cấp hồi dự án là năm 2004 – 2005, nhưng không có hộ ông Chuông Văn T12 (chồng bà) trong hồ sơ thiết kế. Ngoài ra bà Hoàng Thị T còn cho rằng khi chồng bà là ông Chuông Văn T12 và ông Chuông Văn H4 còn sống đã thoả thuận lấy khe nước để làm ranh giới giữa 02 thửa đất nhưng thực tế tại thời điểm xem xét thẩm định không có khe nước mà có khe cạn tại phần ranh giới giữa đất anh Chuông Văn L và anh Chuông Văn T4 quản lý. Tại thực địa cho thấy bụi tre tại phần đất vườn cùng một đường thẳng tại phần ranh giới cả đất vườn và đất rừng, đường hào do anh Chuông Văn L đào thẳng từ bụi tre trong vườn nhà lên đến đỉnh, phù hợp với lời khai của ông Hoàng Văn D3. Tại thực địa cho thấy trên phần đất bà Hoàng Thị T đang quản lý rậm rạp, có nhiều cây Vầu sen kẽ với các cây tạp. Còn đất tranh chấp được phát quang, trên đất có cây Hồi, hoa màu ngăn ngày do anh Chuông Văn L trồng và canh tác, quản lý. Như vậy nguyên đơn bà Hoàng Thị T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

[6] Bị đơn Chuông Văn L cho rằng bố, mẹ canh tác quản lý, sau đó chia cho 03 anh em, nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Tuy nhiên diện tích đất tranh chấp thửa 841 được quy chủ trên bản đồ là Chuông Văn T4. Trên đất tranh chấp có cây Hôi do anh được trồng cùng ông Chuông Văn H4 và chị Chuông Thị H (thời điểm chị còn ở chung với bố, mẹ khoảng năm 2003-2004). Căn cứ kết luận giám định tuổi cây cho thấy “*Mẫu cây hôi có độ tuổi 21±1 năm tuổi, tương ứng với năm trồng là năm 2002, sai số có thể là năm 2001 hoặc năm 2003*”. Ngoài ra tại văn bản của Sở Nông nghiệp cho thấy hồ sơ xác minh năm 2005 có cả 02 hộ Chuông Văn H4 và Chuông Văn T12 được cấp cây hôi dự án, hộ Chuông Văn H4 khớp với hồ sơ năm 2004 – 2005 và có trong hồ sơ thiết kế khoán trồng rừng phòng hộ (cây H6) và có tên trong hồ sơ thiết kế năm 2004. Tuy tuổi cây và năm trồng cây H6 phù hợp với lời khai của bị đơn, nhưng thực tế ông Chuông Văn H4 được giao lô 170, còn diện tích đất tranh chấp thuộc một phần lô 172 và 175, nay thuộc một phần thửa 841 quy chủ hộ anh Chuông Văn T4. Ngoài ra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Chuông Văn T8 cho biết anh được thầy anh Chuông Văn L gán hôi lên trồng ở khu vực đất tranh chấp. Tuy nhiên quá trình quản lý sử dụng phía bị đơn chưa làm thủ tục kê khai quyền sử dụng đất.

[7] Về yêu cầu di dời tài sản trên đất: Bà Hoàng Thị T yêu cầu anh Chuông Văn L phải di dời 147 cây hôi, 22 cây sớ, 10 cây Chuối tây của bị đơn trồng trên đất tranh chấp, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và các tài sản trên đất không được chấp nhận, nên không có căn cứ chấp nhận nên yêu cầu của bà Hoàng Thị T.

[8] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản: Bà Hoàng Thị T yêu cầu anh Chuông Văn L phải bồi thường thiệt hại tài sản là 09 tạ hoa hôi không được thu hái trong 03 năm với số tiền 36.000.000 đồng, 30m³ cây gỗ bị chặt với số tiền 19.500.000 đồng, 06 cây Hôi bị đốt cháy với số tiền 12.000.000đ, tổng cộng 67.500.000 đồng. Xét thấy, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sở hữu tài sản trên đất tranh chấp (như đã phân tích ở trên). Hơn nữa, tuổi cây giám định không phù hợp với ý kiến của nguyên đơn, không biết anh Chuông Văn L đã bán được bao nhiêu kg hoa hôi trong 03 năm, không xác định được đối với khối lượng cây bị thiệt hại, thời điểm xảy ra sự việc không có biên bản mà chỉ áng chừng, ước lượng thiệt hại.

[9] Từ những phân tích trên HĐXX thấy nguyên đơn bà Hoàng Thị T yêu cầu quản lý, sử dụng đối với diện tích 3.648,9m² và tài sản trên đất tại L - B, thôn N nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do yêu cầu của bà Hoàng Thị T không được chấp nhận nên không có căn cứ xem xét đối với yêu cầu buộc anh Chuông Văn L khôi phục đường hào ranh giới, di dời 147 cây Hôi, 22 cây Sớ và cây Chuối tây do anh Chuông Văn L mới trồng ra khỏi khu đất tranh chấp và yêu cầu bồi thường 09 tạ hoa Hôi tươi (trong 03 năm) không được thu hoạch với số tiền 36.000.000 đồng; 30m³ gỗ bị chặt là 19.500.000 đồng; 06 cây Hôi bị đốt cháy là 12.000.000 đồng, tổng số tiền 67.500.000 đồng.

[10] Đối với 01 cây Hôi cắt làm mẫu trưng cầu giám định tuổi cây tại toạ độ X 2407 793.93 và Y 4149 19.58, bà Hoàng Thị T yêu cầu anh Chuông Văn L bồi thường, theo biên bản định giá tài sản ngày 14/12/2023 cây Hôi có đường kính 19cm trị giá là 1.200.000 đồng, do yêu cầu quản lý, sử dụng đối với diện tích đất và tài sản trên đất của bà Hoàng Thị T không được chấp nhận nên HĐXX không có cơ sở buộc anh Chuông Văn L bồi thường cho bà Hoàng Thị T cây Hôi nêu trên. Anh Chuông Văn L không yêu cầu bà Hoàng Thị T bồi thường cây Hôi này là tự nguyện nên HĐXX chấp nhận

[11] Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn yêu cầu giải quyết cho nguyên đơn quản lý đất tranh chấp và toàn bộ tài sản trên đất, ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía bị đơn yêu cầu giải quyết cho bị đơn, được quản lý, sử dụng đất nhưng không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[12] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Về đề nghị buộc nguyên đơn chấm dứt hành vi tranh chấp, HĐXX thấy do yêu cầu nguyên đơn không được chấp nhận, bị đơn không có yêu cầu phản tố do vậy không có cơ sở chấp nhận.

[13] Đối với ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về yêu cầu của nguyên đơn không phù hợp nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[14] Đối với ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Xét thấy bị đơn có quá trình quản lý, sử dụng đất, trồng cây trên đất, tuy nhiên không có yêu cầu phản tố, đối với diện tích đất tranh chấp, bị đơn chưa được cấp GCNQSDĐ, do vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này.

[15] Về chi phí tố tụng gồm chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trưng cầu giám định bản đồ tổng số tiền là 28.014.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên bà Hoàng Thị T phải tự chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

[16] Về án phí: Do Hội đồng xét xử không chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T nên nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 3.350.000 đồng án phí có giá ngạch đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị T đề nghị miễn án phí. Xét thấy bị đơn là người cao tuổi, là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[17] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; khoản 1 Điều 161; Điều 162; khoản 1 Điều 165; Điều 166; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 229; Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ 105, 107 Luật Đất đai năm 2003; Điều 170, 203 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 điều 24, khoản 1 Điều 26; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T đòi quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 3.648,9m² thuộc thửa 841 tờ bản đồ đất lâm nghiệp số 01 xã T, huyện V đo vẽ năm 2012, có các cạnh được xác định bởi các điểm A (*Thể hiện trên Mảnh trích đo khu đất tranh chấp ngày 14/12/2023*), địa danh tại khu rừng L - B, thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản trên diện tích đất 30 cây Hòe to, 10 cây Xoan, 02 cây Keo, 01 cây Bạch đàn, 01 cây Trám, 13 cây Sâu sấu; 20 cây gỗ tạp (nhóm 6); 16 khóm G.

1.2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị T yêu cầu anh Chuông Văn L di dời 147 cây Hòe, 22 cây Sỡ, 10 cây Chuối tây trên diện tích đất nêu tại mục 1.1.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị T đòi anh Chuông Văn L bồi thường thiệt 09 tạ hoa hòe với số tiền 36.000.000 đồng, 30m³ gỗ bị chặt với số tiền 19.500.000 đồng, 06 cây Hòe bị đốt cháy với số tiền 12.000.000 đồng, tổng cộng 67.500.000 đồng và 01 cây Hòe bị cắt đi giám định trị giá 1.200.000 đồng.

1.4. Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị T yêu cầu anh Chuông Văn L phải lấp lại rãnh hào ranh giới trên đất.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Hoàng Thị T phải chịu toàn bộ các chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí giám định tổng số tiền là 28.014.000 đồng (*Hai mươi tám triệu không trăm mười bốn nghìn đồng*). Xác nhận bà Hoàng Thị T đã nộp đủ số tiền nêu trên.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Mỹ Phước

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP của đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nông Thị Mỹ Phước**